TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC HỒI** TỈNH KON TUM	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HS-ST
Ngày: 30/ 01/ 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HỒI,TỈNH KON TUM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hành .
Các Hội thẩm nhân ; Ông Nguyễn Văn Thủy; Ông Nguyễn Xuân Trường .

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Ngô Đình Tú,Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon tum.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi,tỉnh Kon Tum tham gia phiên toà: Ông Đàm Công Tư Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 09/2024/HSST ngày 03/ 01/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-HS ngày 15/01/2024. Đối với bị cáo:

- Họ và tên: **Phạm Thanh D**. Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam. Sinh ngày 04 tháng 3 năm 1996. Tại tỉnh K. Hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã S, huyện S, tỉnh Q. Nơi ở hiện nay: Tổ dân phố 2, thị trấn P, huyện N, tỉnh K. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: 10/12. Cha: Phạm Thanh A, sinh năm 1967. Mẹ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1972. Anh, chị em ruột: có 04 người, bị cáo là con thứ hai trong gia đình. Vợ, con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/10/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:*

Anh Bạch Ngọc S , Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Q, có đơn xin vắng mặt.

Anh: Nông Quốc T , Trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện N, tỉnh K. Có đơn xin Vắng mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nông Thị N ; Sinh năm: 1996; Trú tại: Thôn Đ , xã Đ, huyện N. Có đơn xin vắng mặt.

Anh A P ; Trú tại: Thôn 4 xã T, huyện K, tỉnh K. Vắng mặt.

- *Người chứng kiến:*

Đinh Tuấn K; Trú tại: Thôn H, xã Đ, huyện N. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

khoảng 13 giờ 30 ngày 04/10/2023, bị cáo D đi bộ đến thôn Đ, xã , huyện Ng, để xem ai có tài sản sơ hở thì trộm cắp. Khi bị cáo đi ngang qua nhà một người dân thì nhìn thấy có một xe mô tô loại xe 50 phân khối, màu đen, gắn biển kiểm soát 82EA-018.66 để ở phía trước sân nhà cạnh đường bê tông, không có người trông coi, chìa khoá cắm ở ổ khoá cổ xe. Sau khi quan sát xung quanh thấy không có người, bị cáo đã lén lút tiến lại gần trộm cắp xe mô tô trên, rồi điều khiển xe mô tô trộm cắp được tẩu thoát, bỏ trốn theo đường quốc lộ 14C hướng đi huyện Sa Thầy. Trên đường đi, bị cáo dừng xe kiểm tra thấy trong cốp dưới yên xe có một ví vải, bên trong có một chứng minh nhân dân, một căn cước công dân mang tên Nông Thị N, một giấy đăng ký xe mô tô biển số 82EA-018.66 và số tiền 2.700.000 đồng *(hai triệu bảy trăm nghìn đồng)*. Bị cáo lấy hết tiền, giấy tờ bỏ vào túi quần đang mặc và ném chiếc ví vải xuống lề đường rồi tiếp tục điều khiển xe đến thị trấn Sa Thầy mua một áo khoác màu đen-trắng, một đôi dép màu đen sau đó điều khiển xe mô tô đi về huyện Đắk Tô ngủ, nghỉ, sống lang thang trong khu vực lô cao su của người dân.

Đến ngày 06/10/2023, bị cáo điều khiển xe mô tô 82EA-018.66 trộm cắp được bỏ trốn theo Quốc lộ 24 hướng về tỉnh Quảng Ngãi, trên đường đi bị cáo có dừng lại ven đường nghỉ và làm mất chìa khóa xe nên đã dùng tay giật dây điện của ổ khóa đấu lại rồi nổ máy tiếp tục đi về hướng tỉnh Quảng Ngãi. Khi đi đến thôn Tà Mát, xã Sơn Hải, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi *(gần cây xăng Đại Thành)*, bị cáo phát hiện xe mô tô hiệu YAMAHA SIRIUS, màu đỏ đen, biển số 76M1-051.47 của người dân để ven đường, không có người trông coi, chìa khoá cắm ở ổ khoá cổ xe nên bị cáo đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô biển số 76M1-051.47 để làm phương tiện đi lại và bán xe mô tô 82EA-018.66 đã trộm cắp trước đó để lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định đó, bị cáo điều khiển xe mô tô 82EA-018.66 quay lại hướng về tỉnh Kon Tum khoảng 500m đến 700m thì dừng lại, giấu xe 82EA-018.66 vào ven đường quốc lộ 24 rồi nhờ người đi đường chở đến gần chỗ xe mô tô 76M1-051.47. Sau khi quan sát thấy xung quanh không có người, bị cáo lén lút tiến lại gần rồi trộm cắp xe mô tô 76M1-051.47 và điều khiển xe đi đến nhà bạn tên là A P tại xã T, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum chơi. Khi gặp A P, bị cáo nảy sinh ý định bán xe mô tô 82EA-018.66 đã trộm cắp được ở huyện N, đang giấu tại huyện S nên D đã nói dối P là *"tôi có một chiếc xe 50 phân khối*

mua của người khác, bị mất chìa khóa, có đầy đủ giấy tờ đang gửi nhà người quen ở huyện Sơn Hà – Quảng Ngãi, bạn mua không tôi bán lại cho giá hai triệu đồng thôi". Nghe D nói vậy thì P không nghi ngờ gì mà nói cũng đang tìm mua xe loại 50 phân khối cho em gái đi học nên đồng ý luôn. Sau đó, D nói P lên xe mô tô 76M1-051.47 để D điều khiển chở đi lấy xe thì P đồng ý. Lúc đó, D điều khiển xe chở P đi trên Quốc lộ 24 quay lại vị trí nơi D cất giấu xe mô tô 82EA – 018.66 trước đó. Khi đi đến cách vị trí D cất giấu xe khoảng 500m, sợ P biết D nói dối xe gửi tại nhà người quen nên D đã dừng xe lại và nói P điều khiển xe 76M1-051.47 về lại nhà P trước, D lấy xe mô tô 82EA – 018.66 đi về sau thì P đồng ý. Sau đó, P điều khiển xe mô tô 76M1-051.47 đi về trước, còn D đi bộ đến chỗ giấu xe mô tô 82EA-018.66 trước đó rồi điều khiển xe đi về lại nhà P. Đến nơi, D lấy giấy đăng ký xe mô tô 82EA-018.66 trong người ra đưa cho P, rồi P lấy trong người ra số tiền 2.000.000 đồng đưa cho D và nhận xe mô tô 82EA-018.66 do bị cáo đưa cho.

Sau khi bán xe mô tô 82EA-018.66 cho P được 2.000.000 đồng *(hai triệu đồng)* thì D điều khiển xe mô tô 76M1-051.47 theo quốc lộ 14 hướng về tỉnh Bình Dương để lẩn trốn. Đến sáng ngày 08/10/2023, khi đến địa phận huyện Đ, tỉnh Đ D bị Cảnh sát giao thông kiểm tra hành chính và tạm giữ xe 76M1-051.47. Sợ bị Cảnh sát giao thông phát hiện xe mô tô 76M1-051.47 do D trộm cắp nên bị cáo đã đón xe quay lại nhà tại huyện N. Đến sáng ngày 09/10/2023, bị cáo đang trên đường đi đến nhà người quen tại xã Đ thì Công an huyện N kiểm tra, phát hiện bị cáo đang cất giấu trên người một chứng minh nhân dân, một căn cước công dân mang tên Nông Thị N là số giấy tờ có trong cốp dưới yên xe mô tô 82EA-018.66 do bị cáo trộm cắp vào ngày 04/10/2023 tại thôn Đ, xã Đ, huyện N nên đã đưa bị cáo về trụ sở làm việc.

Cáo trạng số 02/CT-VKS-HS ngày 02/01/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Phạm Thanh D về tội "Trộm Cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 điều 173 BLHS.Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo, cũng như đánh giá, phân tích động cơ, mục đích, hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g , khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt: bị cáo Phạm Thanh D mức án từ 08 đến 10 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam bị cáo. Gia đình bị cáo khó khăn, không có công việc ổn định, thu nhập không có nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

***Vật chứng của vụ án*:** Đề nghị tịch thu tiêu hủy **:**

- 01 (một) áo khoác màu đen, đã qua sử dụng.

- 01(một) đôi dép, đã qua sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra bị cáo tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bà Nông Thị N với số tiền 2.700.000đ, người bị hại không yêu cầu gì thêm.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS và Nghị quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo không có ý kiến gì về nội dung bản cáo trạng, và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi, không tranh luận đối đáp gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã biết được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất và không phải chịu hình phạt bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh : Qua xét hỏi công khai tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với các tình tiết khách quan đã được cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Ngọc Hồi thu thập có tại hồ sơ vụ án, đúng với hành vi phạm tội của bị cáo mà bản cáo trạng số: 02/CT- VKS- HS, ngày 02/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố; Như vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vì muốn có tiền tiêu Xài nên, Khoảng 13 giờ 30, ngày 04/10/2023, lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản của bà Nông Thị N, Phạm Thanh D đã lén lúc, bị mật chiếm đoạt một xe mô tô màu đen, biển kiểm soát 82EA-018.66 để ở trước sân nhà tại Thôn Đ, xã Đ, huyện N, tỉnh K, sau đó điều khiển xe mô tô chiếm đoạt được đi về hường quốc lộ 40C hướng đi huyện Sa Thầy. Trên đường đi, bị cáo kiểm tra trong cốp xe dưới yên xe thì thấy có một ví vải, bên trong có số tiền 2.700.000đ và một chứng minh nhân dân, một căn cước công dân mang tên Nông Thị N, một giấy đăng ký xe mô tô biển số 82EA-018.66 nên bị can đã lấy hết số tiền và giấy tờ bỏ vào túi quần đang mặc và ném chiến ví vải xuống lề đường rồi điều khiển xe đến thị trấn Sa Thầy,

rồi theo Quốc lộ 24 về tỉnh Quảng Ngãi cất giấu, sau đó bán lại cho A P với số tiền 2.000.000đồng.

Không dừng lại ở đó, trong lúc đưa xe mô tô trộm cắp được ở huyện Ngọc Hồi đề tìm nơi cất giấu, bị cáo phát hiện tại thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Q có một xe mô tô hiệu YAMAHA SIRIUS, màu đỏ đen, biển số 76M1-051.47 của ông Bạch Ngọc S để ven đường, không có người trông coi, chìa khoá cắm ở ổ khoá cổ xe nên bị can đã lén lút, bí mật chiếm đoạt chiếc xe mô tô biển số 76M1-051.47 để làm phương tiện đi lại và bán xe mô tô 82EA-018.66 đã trộm cắp trước đó để lấy tiền tiêu xài. Sau đó, bị cáo điều khiển xe mô tô 76M1-051.47 theo quốc lộ 14 hướng về tỉnh Bình Dương để lẩn trốn. Đến ngày 08/10/2023, khi bị cáo đang điều khiển xe đến địa phạn huyện Đ, tỉnh Đ thì bị Cảnh sát giao thông kiểm tra hành chính và tạm giữ phương tiện. Đến ngày 09/10/2023, khi bị cáo về lại huyện N thì bị cơ quan công an kiểm tra, phát hiện đang cất giấu trên người khi đang cất giấu một chứng minh nhân dân, một căn cước công dân mang tên Nông Thị N và giấy đăng ký xe mô tô 82EA-018.66. Quá trình làm việc với cơ quan điều tra Phạm Thanh D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N, tỉnh K kết luận giá trị của xe mô tô nhãn hiệu BOSSCITY, màu sơn đen, biển kiểm soát: 82EA – 018.66 tại thời điểm trộm cắp ngày 04/10/2023 có giá trị là 5.333.000 đồng *(năm triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng)*.

Tại bản Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện S, tỉnh Quảng Ngãi kết luận giá trị của xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu đỏ đen, biển số 76M1-051.47 tại thời điểm trộm cắp ngày 06/10/2023 có giá trị là 9.000.000 đồng *(chín triệu đồng)*.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây mất trật tự xã hội tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật hình sự và sẽ bị trừng phạt, nhưng vì muốn có tiền tiêu sài, nên bị cáo đã cố ý phạm tội và mong muốn chiếm đoạt được tài sản của người khác. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo để răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo có thời gian cải tạo tốt, trở thành công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét toàn diện về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội hai lần trở lên.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố bị cáo Phạm Thanh D đã *bồi thường thiệt hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo*. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian, để bị cáo có thời gian cải tạo, trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội; Cũng nhằm đảm bảo công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

[4] Mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện N đề nghị đối với bị cáo từ 08 (tám) đến 10 (mười) tháng tù giam là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Gia đình bị cáo khó khăn, bản thân bị cáo không có thu nhập. Nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho A P 2.000.000đ (Hai triệu).

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng các điểm c, khoản 2 Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự; Bị cáo, không có yêu cầu nhận lại tài sản, nên tịch thu tiêu hủy:

01 (một) áo khoác màu đen – trắng, đã qua sử dụng; 01 (một) đôi dép màu đen, trên dép có chữ "NIKE", đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo:

01 *(một)* điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A11, màu đen, đã qua sử dụng, màn hình có vết nứt vỡ, không kiểm tra chi tiết tình trạng bên trong.

Tịch thu sung quỹ nhà nước: Số tiền 540.000 đồng *(năm trăm bốn mươi nghìn đồng)*.

[7] Về các vấn đề khác: Đối với anh A P là người đã mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu BOSSCITY, màu sơn đen, biển kiểm soát: 82EA-018.66 mà bị can trộm cắp được, quá trình điều tra xác định: Khi bị cáo bán chiếc xe mô tô trên cho anh P thì bị cáo có nói dối là xe của bị cáo nên anh Phước không nghi ngờ gì mà đồng ý mua xe mô tô trên của bị cáo. Vì vậy, việc anh P mua xe mô tô trên của Dương thì anh P không biết được đó là tài sản do bị cáo phạm tội mà có. Do đó không có căn cứ để truy cứu TNHS đối với anh P.

Đối với chiếc ví vải để trong cốp xe mô tô 82EA-018.66 dùng để đựng các giấy tờ và số tiền 2.700.000 đồng, sau khi bị cáo lấy hết tiền và giấy tờ bị đã ném bỏ chiếc ví vải xuống lề đường trên đường tẩu thoát hướng về huyện Sa Thầy. Tuy nhiên, bị cáo không nhớ được vị trí đã ném chiếc ví vải trên. Do đó không có căn cứ để xác minh, thu hồi được.

[8] Về án phí: Bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo **Phạm Thanh D** phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Phạm Thanh D 08 (tám) tháng tù giam, Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, giữ (ngày 09/10/2023), Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho A P, Trú tại: thôn 4 , xã T, huyện K, tỉnh K, số tiền 2.000.000đ (Hai triệu).

- Căn cứ Điều 357 của Bộ luật dân sự, kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ cho bên được thi hành án, thì bên phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định là 10%/năm. Theo qui định của Bộ luật dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) áo khoác màu đen, đã qua sử dụng.

- 01(một) đôi dép màu đen, trên dép có chữ "NIKE", đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo:

01 *(một)* điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A11, màu đen, đã qua sử dụng, màn hình có vết nứt vỡ, không kiểm tra chi tiết tình trạng bên trong.

Tịch thu sung quỹ nhà nước: Số tiền 540.000 đồng *(năm trăm bốn mươi nghìn đồng)*.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện N và Chi cục thi hành án dân sự huyện N ngày 09/ 01/2024).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Phạm Thanh D phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. và 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Áp dụng các điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/01/2024). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan, bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hành

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND Tỉnh Kon Tum;
- VKSND Huyện Ngọc hồi;
- Công an Huyện Ngọc hồi,
- Chi cục THADS Huyện Ngọc hồi;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ